

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2018/HSST

Ngày: 24/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Chấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Kim Chi – Cán bộ hưu trí tỉnh An Giang.
2. Ông Huỳnh Tấn Xem - Cán bộ hưu trí tỉnh An Giang.

Thư ký Tòa án ghi Biên bản phiên tòa:

Ông Trần Tuấn Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án vụ án hình sự thụ lý số: 84/2017/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Đỗ Xuân Tr (T)**, sinh ngày 01/4/1986. Nơi sinh: Huyện T.T, tỉnh T.B. Cư trú: Ấp G.D, xã G.D, huyện P.Q, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở: Tổ 27, ấp M.T, xã M.P, huyện C.P, tỉnh An Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học lực: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Đỗ Xuân H, sinh năm 1955; Mẹ: Lê Thị Th, sinh năm 1959; Vợ: Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 2000.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị tạm giam từ ngày 05/9/2017 đến nay.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Thị Tuyết H**, sinh ngày 09/4/1978. Trú quán: Tổ 27, ấp M.T, xã M.P, huyện C.P, tỉnh An Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học lực: 02/12; Nghề nghiệp: Mua bán; Cha: Trần Văn S (đã chết); Mẹ: Lương Thị Th, sinh năm 1941; Chồng: Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975. Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2010.

- Tiền án, tiền sự: Không.
- Bị tạm giam từ ngày 01/9/2017 đến ngày 10/9/2017 được tại ngoại.
- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Trần Thị Kim T**, sinh ngày 15/9/1983. Trú quán: Tổ 28, ấp M.T, xã M.P, huyện C.P, tỉnh An Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Học lực: 12/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Cha: Trần Văn S (đã chết); Mẹ: Lương Thị Th, sinh năm 1941; Chồng: Trần Minh N, sinh năm 1983. Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016.

- Tiền án, tiền sự: Không.
- Bị cáo tại ngoại.
- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Đỗ Xuân Tr (T), Trần Thị Tuyết H, Trần Thị Kim T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào tháng 3/2017, Đỗ Xuân Tr và Nguyễn Thị Thanh N tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Cả hai về sống chung nhà với cha mẹ ruột của N là ông Nguyễn Thanh Bình và Trần Thị Tuyết H tại ấp M.T, xã M.P, huyện C.P, tỉnh An Giang. Do không có việc làm, ngày 22/8/2017, Tr và N đến thuê phòng trọ của ông Lâm Thanh T thuộc khu phố 14, phường B.T.Đ, quận B.T, Thành phố Hồ Chí Minh để ở và nảy sinh ý định làm tiền giả để tiêu sài trong thời gian tìm việc.

Để thực hiện, Tr nhờ ông Bình mang 01 máy in phun màu HP3520, có chức năng scan ảnh và 01 máy in màu Epson T60 của Tr gửi nhà ông Bình đến Thành phố Hồ Chí Minh đưa cho Tr, còn Tr sử dụng xe mô tô biển số 68P1-148.31 đi mua giấy A4 và kéo dùng để in và cắt tiền giả. Sáng ngày 29/8/2017, Tr sử dụng gác lửng phòng trọ cài đặt phần mềm photoshop vào máy laptop và kết nối với 02 máy in. Sau đó, lấy 04 tờ tiền Việt Nam đồng thật, mệnh giá 5.000 đồng, có các số seri: FK 5775782; BY 5260508; FE 8004734; AY 7694353, scan vào máy laptop, sử dụng phần mềm photoshop chỉnh sửa lại cho giống như tiền thật, rồi in ra 15 tờ giấy A4, mỗi tờ có 04 đồng tiền giả, mệnh giá 5.000 đồng. Sau đó, Tr dùng kéo cắt rời từng tờ tiền thì bị hỏng một số tờ nên hủy bỏ, còn lại khoảng 52 tờ, Tr ngâm vào nước trà, đem phơi cho cũ lại để tránh bị phát hiện. Biết Tr làm tiền giả, N đến giúp Tr phơi số tiền này. Đến trưa ngày 30/8/2017, Tr điện cho H nói là mua được một ít tiền giả trên mạng gửi về để H tiêu xài, H đồng ý. Tr liền đi mua 01 hộp đựng quà bằng giấy đề số tiền giả vào trong hộp dán lại, rồi chở N đến trạm xe Phương Trang tại bến xe Miền Tây gửi về cho H và để tên người nhận là Trần Thị Kim T (em ruột của H) để T nhận dùm. Xong, Tr và N điện thoại cho H hướng dẫn cách sử dụng tiền giả chung với tiền thật, để không bị phát hiện.

Sáng ngày 31/8/2017, T đến nhận hộp quà của Tr gửi đem về đưa cho H, mở ra thấy bên trong có 01 cọc tiền mệnh giá 5.000 đồng được băng lại bằng dây thun. H mở cọc tiền làm rách 03 tờ, nên mang đi đốt 02 tờ, 01 tờ để trên kệ sách; còn lại 49 tờ H để xen kẽ với tiền thật có mệnh giá từ 1.000 đồng đến 20.000 đồng; sắp lại thành 05 sấp, mỗi xấp 100.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, H kêu T mượn xe mô tô biển số 67K4-3019 của ông Trần Hữu D (anh ruột T) chở H đến chợ Châu Phú. Tại đây, H đưa 05 sấp tiền cho T và nói bên trong mỗi sấp có xen tiền giả, căn dặn T đến các tiệm mua thuốc lá điều ngoại, mỗi tiệm chỉ mua 02 cây để tránh bị phát hiện, T đồng ý và đi bộ đến tiệm của ông Trần Đại Minh H mua 02 cây thuốc lá hiệu Nelson, với giá 192.000 đồng, T dùng tiền mà H đưa trả cho ông H, rồi tiếp tục đến tiệm của bà Nguyễn Thị Hoàng D, cách đó khoảng 06m, mua thêm 02 cây thuốc lá hiệu Nelson, với giá 190.000 đồng. Xong, T điều khiển xe mô tô chở H chạy đi. Cùng lúc này, ông Hải phát hiện T sử dụng tiền giả, nên điều khiển xe mô tô đuổi theo chặn xe T lại và truy hỏi mọi người bắt giữ T giao cho Công an Vĩnh Thạnh Trung. Riêng, H lợi dụng lúc T bị bắt bỏ trốn và điện thoại cho Tr, N biết.

Ngày 01/9/2017, H đến Công an xã Vĩnh Thạnh Trung đầu thú.

Sau khi T bị bắt, Tr liền xóa tất cả các dữ liệu liên quan đến việc làm tiền giả lưu trong laptop. Sau đó, Tr và N mang laptop trở về nhà, nhờ ông Bình cất giấu, còn máy in Epson T60 Tr để lại phòng trọ, nhờ Nguyễn Thanh V (dượng của N) cất giữ dùm. Riêng máy in HP3520 và cây kéo Tr đem đến cầu An Lạc, quận Bình Tân ném xuống sông, đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

Ngày 05/9/2017, Tr đến Công an huyện Châu Phú đầu thú.

- Căn cứ Kết luận giám định số 390 ngày 12/9/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh An Giang, kết luận: 50 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng, có các số seri: FK 5775782, BY 5260508, FE 8004734, AY 7694353 là tiền giả.

Tại bản Cáo trạng số 84/VKS-HS.KT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, đã truy tố các bị cáo:

- Đỗ Xuân Tr, về tội “Làm, lưu hành tiền giả ” theo khoản 1 Điều 180 của Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Trần Thị Tuyết H và Trần Thị Kim T, về tội “Lưu hành tiền giả” theo khoản 1 Điều 180 của Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất, mức độ hành vi, phạm tội của các bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Giữ nguyên Cáo trạng như đã truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt các bị cáo:

- Bị cáo Đỗ Xuân Tr từ 03 năm đến 04 năm tù, về tội “Làm, lưu hành tiền giả”.

- Bị cáo Trần Thị Tuyết H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, về tội “Lừa hành tiền giả”.

- Bị cáo Trần Thị Kim T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, về tội “Lừa hành tiền giả”.

Nhưng cho các bị cáo H, T được hưởng án treo, thời gian thử trách từ 03 năm đến 04 năm. Giao các bị cáo H, T cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng: Trong vụ án này có một số người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử, giải quyết vụ án; mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ tại phiên tòa. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn T hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Đỗ Xuân Tr, Trần Thị Tuyết H, Trần Thị Kim T khai nhận: Do không có nghề nghiệp ổn định và cần tiền tiêu xài, nên bị cáo Tr đã nảy sinh ý định ra việc làm tiền giả để tiêu xài. Để thực hiện bị cáo sử dụng máy in có chức năng scan ảnh, máy in màu, máy laptop, in tiền mệnh giá 5.000 đồng để tiêu thụ. Sau khi làm được 52 tờ tiền giả, do lo sợ bị phát hiện nên bị cáo không dám đem đi tiêu thụ, bị cáo nói cho mẹ vợ bị cáo là Trần Thị Tuyết H biết là mua được tiền giả trên mạng, để gửi về cho tiêu xài thì H đồng ý. Sau đó bị cáo gửi về cho H để tên người nhận Trần Thị Kim T. Bị cáo H nhờ bị cáo T đi nhận tiền giả dùm mà Tr đã gửi về đưa cho H, H để tiền giả xen lẫn tiền thật có mệnh giá từ 1.000 đồng đến 20.000 đồng, sắp lại thành 05 sấp, mỗi sấp 100.000 đồng. Bị cáo H kêu T mượn xe mô tô chở H đến chợ Châu Phú, H đưa 05 sấp tiền cho T và nói cho T biết bên trong có tiền giả, T đến tiệm mua thuốc lá thì bị phát hiện và bắt giữ. H bỏ trốn rồi điện thoại cho Tr biết. Sau đó Tr, H đến Cơ quan Công an đầu thú.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[4] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Đỗ Xuân Tr đã có hành vi làm và lưu hành 52 tờ tiền giả, mệnh giá 5.000 đồng, có giá trị tương ứng 260.000 đồng tiền Việt Nam. Bị cáo Trần Thị Tuyết H và Trần Thị Kim T đã có hành vi lưu hành tiền giả do Tr giao, có giá trị tương ứng 260.000 đồng tiền Việt Nam. Cho nên, hành vi của các bị cáo Đỗ Xuân Tr, Trần Thị Tuyết H và Trần Thị Kim T đã phạm vào tội “Làm, lưu hành tiền giả”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 180 của Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đối với:

- H, T và các ông, bà Trần Đại Minh H; Nguyễn Thị Hoàng D còn có hành vi mua bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu, nhưng do có sự thay đổi về chính sách, pháp luật nên không xử lý hình sự về hành vi này.

- Nguyễn Thị Thanh N biết Tr làm tiền giả, vẫn giúp sức cho Tr là vi phạm pháp luật, nhưng N có vai trò không đáng kể, là người chưa thành niên, nên không cần thiết truy cứu trách nhiệm hình sự, mà chỉ cần công khai giáo dục tại phiên tòa là thỏa đáng.

- Nguyễn Thanh B đã che giấu hành vi phạm tội của con rể là Đỗ Xuân Tr. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Bộ luật Hình sự 2015, thì hành vi này của B chưa cấu thành tội phạm. Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với B là phù hợp, nhưng cần công khai giáo dục tại phiên tòa.

[3] Xét về tính chất của vụ án thì thấy:

Các bị cáo là người đã trưởng thành nên nhận thức được việc làm nào đúng, việc làm nào sai, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Lẽ ra, các bị cáo phải biết cố gắng rèn luyện bản thân, cố gắng lao động chân chính, tạo ra của cải và phấn đấu để trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội. Nhưng các bị cáo không làm được điều đó mà chỉ vì háms lợi, muốn có tiền để tiêu xài, nên các bị cáo đã thực hiện hành vi làm, lưu hành tiền giả, bất chấp pháp luật, hậu quả xảy ra và cố ý thực hiện.

Trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm nên cần phân hóa để xử lý đối với từng hành vi của bị cáo:

- Đối với bị cáo Đỗ Xuân Tr, là người giữ vai trò chủ mưu, có kiến thức về tin học, nên nảy sinh ý định làm tiền giả để tiêu xài, để thực hiện bị cáo đã sử dụng công cụ hỗ trợ và trực tiếp thực hiện các công đoạn làm tiền giả, mệnh giá 5.000 đồng và đã làm ra 52 tờ tiền giả, có giá trị tương đương 260.000 đồng. Sau khi làm ra được tiền giả, bị cáo không dám đem đi tiêu thụ vì sợ bị phát hiện, nên

gửi tiền giả về cho mẹ vợ là Trần Thị Tuyết H rồi hướng dẫn cách thức để tiêu thụ thì được H đồng ý mang đi tiêu thụ thì bị phát hiện và bắt quả tang. Vì vậy, cần có một mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

- Đối với bị cáo Trần Thị Tuyết H, là đồng phạm giúp sức rất tích cực cho bị cáo Tr. Lẽ ra, sau khi nghe Tr nói về việc tiêu thụ tiền giả, bị cáo phải biết khuyên can, ngăn chặn hành vi phạm tội. Nhưng ngược lại, chỉ vì tư lợi cá nhân, bị cáo còn rủ rê em ruột mình là Trần Thị Kim T cùng thực hiện, sau khi nhận được tiền giả của bị cáo Tr gửi về thì bị cáo trộn tiền thật chung với tiền giả đưa cho bị cáo T đi mua thuốc lá nhằm bán lại kiếm lời thì bị phát hiện.

- Đối với bị cáo Trần Thị Kim T, là đồng phạm giúp sức cho bị cáo H, sau khi nhận tiền của H, được H nói cho T biết trong đó có tiền giả. Bị cáo đã dùng xe mô tô chở H đi tiêu thụ, tuy không biết số lượng tiền giả là bao nhiêu, nhưng bị cáo vẫn sử dụng để đi mua thuốc lá, sau đó bị phát hiện, bắt giữ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến an ninh tiền tệ và quyền quản lý tài chính của Nhà nước, ảnh hưởng đến nền kinh tế đất nước, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần có một mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Các bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, làm thuê; chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo H học lực thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; phạm tội lần đầu, số tiền giả làm ra ít; tác hại không lớn. Khi sự việc bị phát hiện, bị cáo Tr và bị cáo H đã ra đầu thú; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án. Bị cáo Tr xuất thân trong gia đình có truyền thống cách mạng, có cha ruột tham gia kháng chiến, được tặng thưởng Huân, Huy chương, bản thân bị cáo cũng bị nhiễm chất độc hóa học và được hưởng trợ cấp của Nhà nước. Bị cáo T hiện đang nuôi con nhỏ, các bị cáo H, T có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian được tại ngoại các bị cáo không vi phạm pháp luật gì mới. Vì vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo và xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo H, T mà buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Các biện pháp tư pháp khác:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với các vật chứng là phương tiện, công cụ mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội: Xe mô tô 68P1 – 148.31, máy in phun hiệu Epson, máy vi tính Asus; 01 điện thoại di động Nokia 6300 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đỏ đen.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng là hàng cấm và các vật chứng khác không còn giá trị sử dụng được thu giữ trong quá trình điều tra.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị Kim T 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 Prime và 01 Giấy phép lái xe.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị Tuyết H 01 Giấy chứng minh nhân dân.

[6] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử, xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo đều khó khăn, là lao động nghèo, nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo Đỗ Xuân Tr (T) phạm tội “Làm, lưu hành tiền giả”.

Các bị cáo Trần Thị Tuyết H và Trần Thị Kim T phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 180 của Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Khoản 1 Điều 207; điểm h, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 46, Điều 47, (bị cáo H, T áp dụng Điều 54; Điều 65) của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Xử phạt:

1. Bị cáo Đỗ Xuân Tr (T) 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2017.

2. Bị cáo Trần Thị Tuyết H 02 (Hai) năm tù. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm, tính từ ngày 24/01/2018.

3. Bị cáo Trần Thị Kim T 02 (Hai) năm tù. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm, tính từ ngày 24/01/2018.

Giao các bị cáo Trần Thị Tuyết H, Trần Thị Kim T cho Ủy ban nhân dân xã MP, huyện CP, tỉnh An Giang, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

**** Tịch thu sung quy Nhà nước:***

- 01 laptop hiệu Asus màu đen, kèm theo 01 chuột vi tính;

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 68P1 – 148.31, mang tên Đỗ Xuân Tr.

- 01 xe Honda hiệu Wave Alpha, màu trắng đen bạc, biển số 68P1 – 148.31, số khung 1213DY206846, số máy C12E – 5206971.

- 01 Máy in phun hiệu Epson (Epson stylus photo T60) màu đen, số seri LCYK 218698, bên ngoài có 06 bình mực gồm màu đỏ, hồng, xanh đen.

- 01 chuột vi tính hiệu Zander;
- 01 dây nguồn màu đen;
- 01 dây kết nối màu trắng.
- 01 điện thoại di động Masstel, màu đỏ đen bên trong có sim card
- 01 điện thoại di động Nokia 6300 màu đen, không sim card.
- Tiền Việt Nam 255.000 (Hai trăm năm mươi lăm ngàn) đồng.

**Trả lại cho bị cáo Trần Thị Kim T:*

- Tiền Việt Nam 510.000 (Năm trăm mười ngàn) đồng;
- 01 điện thoại di động Samsung J5 Prime màu hồng kèm theo 02 sim card.
- 01 Giấy phép lái xe số Y612567, mang tên Trần Thị Kim T.

**Trả lại cho bị cáo Trần Thị Tuyết H:*

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 351353881 mang tên Trần Thị Tuyết H.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng là hàng cấm và không còn giá trị sử dụng được thu giữ trong quá trình điều tra.

Các vật chứng trên được quản lý theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 06/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Các bị cáo Đỗ Xuân Tr, Trần Thị Tuyết H, Trần Thị Kim T mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Đỗ Xuân Tr, Trần Thị Tuyết H, Trần Thị Kim T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đã giải thích chế định án treo./.

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- Viện kiểm sát tỉnh AG (2);
- Trại tạm giam (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Phòng CSĐT, PV 27 (1);
- Bị cáo (1);
- Tòa Hình sự (5);
- Văn phòng (2);
- Phòng KTNV (1);
- Cục THADS tỉnh (1);
- Đường sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thái Văn Chấn